

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CẢNG QUY NHƠN

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
CÔNG TY TNHH MTV CẢNG QUY NHƠN



TỔ CHỨC TƯ VẤN:
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
VIỆT NAM



★★★

Tháng 08 năm 2013

MỤC LỤC

I.	CƠ SỞ PHÁP LÝ.....	6
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	7
III.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	7
1.	Ban chỉ đạo cổ phần hóa và doanh nghiệp cổ phần hóa.....	8
-	Ông Nguyễn Cảnh Việt – Tổng giám đốc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn	8
-	Ông Nguyễn Hữu Phúc – Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn	8
2.	Tổ chức tư vấn.....	8
-	Ông Đỗ Huy Hoài - Tổng Giám Đốc	8
-	Ông Nguyễn Quốc Tín - Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc CN TP. HCM.....	8
IV.	THÔNG TIN VỀ VIỆC BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU	8
1.	Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ:	8
2.	Loại cổ phần và phương thức phát hành.....	8
a.	Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV	8
b.	Cổ phần bán ưu đãi cho công đoàn.....	8
c.	Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược.....	9
d.	Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài.....	9
V.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY:	9
1.	Khái quát về quá trình thành lập và phát triển Công ty:.....	9
1.1	Thông tin chung về Công ty:.....	9
-	Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 Phan Chu Trinh, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.....	9
-	Fax : (84-56) 3891783.....	9
-	Website : www.quinhonport.com.vn	10
-	Tài khoản đồng Việt Nam: : 58 010 000 774 783 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tỉnh Bình Định.	10
-	Tài khoản ngoại tệ: số 005.1.37.0004325 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Quy Nhơn.....	10
1.2	Quá trình thành lập và phát triển Công ty:.....	10
2.	Ngành nghề sản xuất kinh doanh :.....	11

3.	Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu:	11
4.	Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần :	11
5.	Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sản xuất Công ty:	12
6.	Danh sách công ty mẹ:	15
7.	Danh sách công ty con:	15
	Không có	15
8.	Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp:	15
8.1	Thực trạng về tài sản:	15
	Tổng giá trị tài sản theo sổ sách kế toán tại ngày 31/03/2013 là 302.302.781.823 đồng (kèm theo Biểu xác định giá trị tài sản) bao gồm:	15
	<i>Nguồn: Tổng hợp từ BCTC</i>	15
8.2	Thực trạng về tài chính, công nợ:	16
	<i>Nguồn: Tổng hợp từ BCTC</i>	16
8.3	Tình hình sử dụng nhà xưởng, đất đai:	16
	<i>Nguồn: Phương án cổ phần hóa</i>	17
8.4	Phương án sử dụng đất:	17
9.	Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 31/03/2013	17
	Những vấn đề cần tiếp tục xử lý	18
	Bàn giao lại các tài sản sau cho Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam tiếp tục xử lý sau cổ phần hóa.....	18
	<i>Nguồn: Phương án cổ phần hóa</i>	19
10.	Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm trước khi cổ phần hóa (2010-2012):	19
10.1	Giá trị sản phẩm/dịch vụ qua các năm:	19
	<i>Nguồn: Cảng Quy Nhơn</i>	19
10.2	Nguyên vật liệu.....	19
10.3	Chi phí sản xuất.....	20
	<i>Nguồn: Tổng hợp từ BCTC đã kiểm toán</i>	20
	Chi phí sản xuất của Công ty khá cao trong khi giá cước phải cạnh tranh với các Cảng khác trong khu vực, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Cảng Quy Nhơn. Để cải thiện kết quả kinh doanh, công ty	

đã có những hoạt động đầu tư và đổi mới doanh nghiệp (về đầu tư cầu tàu, kho bãi, thiết bị làm hàng, đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật, áp dụng công nghệ thông tin vào trong quản lý và khai thác, tuân thủ quy trình kiểm tra chất lượng) nhằm tăng doanh thu và tiết giảm chi phí.	20
10.4 Trình độ công nghệ:.....	20
10.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	22
10.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ	22
Hệ thống quản lý, điều hành của Cảng Quy Nhơn phù hợp theo tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2008, với mục tiêu “UY TÍN-CHẤT LƯỢNG-AN TOÀN-PHÁT TRIỂN”. Vấn đề chất lượng sản phẩm và chất lượng dịch vụ cung cấp luôn được Công ty ưu tiên đặt lên hàng đầu. Công ty luôn giữ mối liên hệ chặt chẽ với khách hàng nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.....	22
10.7 Hoạt động marketing	22
10.8 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	22
Không có.....	22
10.9 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết.....	22
<i>Nguồn: Cảng Quy Nhơn</i>	<i>23</i>
10.10 Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước cổ phần hóa: ..	24
<i>Nguồn: Cảng Quy Nhơn và tổng hợp từ BCTC đã kiểm toán.....</i>	<i>24</i>
10.11 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh:	24
11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	25
11.1 Vị thế của Công ty trong ngành.....	25
11.2 Triển vọng phát triển của ngành:	26
11.3 Định hướng phát triển của Công ty	26
11.4 Sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng ngành:	27
12. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa	27
12.1 Kế hoạch đầu tư và chiến lược phát triển doanh nghiệp sau cổ phần hóa.....	27
Căn cứ định hướng phát triển công ty sau khi chuyển sang công ty cổ phần, định hướng hoạt động đầu tư của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa trong những năm tiếp theo tập trung vào các nội dung sau: ...	27
Các dự án đầu tư sau cổ phần hóa sẽ được xây dựng và triển khai phù hợp để đảm bảo hiệu quả khi tiến hành các bước đầu tư và sau khi hoàn thành dự án, cụ thể một số dự án đầu tư cho giai đoạn 2013-2017 như sau:.....	27

<i>Nguồn: Cảng Quy Nhơn</i>	28
12.2 Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 5 năm sau cổ phần hóa	28
a. Đánh giá một số thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến SXKD của Công ty	28
<i>i. Thuận lợi:</i>	28
<i>ii. Khó khăn:</i>	29
b. Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	29
<i>i. Kinh doanh khai thác cảng</i>	29
<i>i. Kinh doanh khác</i>	30
c. Dự kiến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 05 năm sau cổ phần hoá	30
<i>Nguồn: Phương án cổ phần hóa</i>	31
13. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa	31
<i>Nguồn: Phương án cổ phần hóa</i>	32
VI. DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM	33

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ về Quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 138/2010/TT-BLĐTXXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao Động và Thương Binh Xã Hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP;
- Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Thông tư 10/2013/TT-BTC ngày 18/01/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con;
- Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012 – 2015;
- Quyết định số 103/QĐ-HHVN ngày 15/03/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt danh sách các đơn vị thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên năm 2013;
- Quyết định số 107/QĐ-HHVN ngày 20/03/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn;
- Quyết định số 108/QĐ-HHVN ngày 20/03/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn;
- Quyết định số 139/QĐ-HHVN ngày 09/04/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc lựa chọn thời điểm và tổ chức tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn để cổ phần hóa;
- Quyết định số 296/QĐ-HHVN ngày 25/06/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá;
- Công văn số 6325/BGTVT-QLDN ngày 2 tháng 07 năm 2013 của Bộ giao thông vận tải về việc Cổ phần hóa cảng Quy Nhơn;
- Công văn số 1843/BGTVT-QLDN ngày 5 tháng 07 năm 2013 của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam về việc Cổ phần hóa cảng Quy Nhơn;

- Quyết định số 336/QĐ-HHVN ngày 22/07/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một Thành Viên Cảng Quy Nhơn thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 341/QĐ-HHNV ngày 25/07/2013 Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động chính của Công ty là khai thác cảng và kinh doanh kho bãi. Các hoạt động này gắn liền với sự phát triển của hoạt động xuất nhập khẩu cũng như tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam. Hiện nay, hoạt động xuất nhập khẩu đang được khuyến khích, đặc biệt là xuất khẩu. Khi chính sách xuất nhập khẩu thay đổi sẽ ảnh hưởng đến khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu. Sự thay đổi về khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu sẽ ảnh hưởng đến kim ngạch xuất nhập khẩu và tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Cảng Quy Nhơn. Những năm gần đây, tình hình xuất nhập khẩu có kết quả tăng trưởng qua các năm, có tác động tích cực đến hoạt động của Cảng Quy Nhơn.

2. Rủi ro về luật pháp

Khi chuyển sang Công ty cổ phần, hoạt động của Cảng Quy Nhơn chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp và khi đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Việc giá nhiên liệu thường xuyên biến động ở mức cao, các loại phí bảo hiểm, thuế và phí tăng cao cùng việc hạ tầng giao thông đô thị xuống cấp làm cho tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải gặp nhiều khó khăn. Sự thay đổi liên tục chính sách về thuế đối với các phương tiện vận tải cũng ảnh hưởng mạnh đến việc kinh doanh khai thác cảng. Điều kiện thiên nhiên là nhân tố rủi ro lớn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Quy Nhơn. Sản lượng và hiệu quả của Cảng phụ thuộc vào mùa mưa bão, lũ lụt, thiên tai... gây thiệt hại về đường xá; gây ra khó khăn cho phương tiện thủy, bộ trong việc vận hành kinh doanh.

4. Rủi ro đợt chào bán

Việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng của Cảng Quy Nhơn chịu ảnh hưởng lớn bởi tình hình thị trường chứng khoán và diễn biến của nền kinh tế. Những yếu tố, thông tin bất lợi về thị trường chứng khoán và kinh tế vĩ mô sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của các nhà đầu tư và khả năng hấp thụ của thị trường.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn.v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa và doanh nghiệp cổ phần hóa

- Ông Nguyễn Cảnh Việt – Tổng giám đốc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn
- Ông Nguyễn Hữu Phúc – Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả triển vọng kinh doanh của Cảng Quy Nhơn trước khi đăng ký tham dự đấu giá cổ phần.

2. Tổ chức tư vấn

- Ông Đỗ Huy Hoài - Tổng Giám Đốc
- Ông Nguyễn Quốc Tín - Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc CN TP. HCM

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn cung cấp.

IV. THÔNG TIN VỀ VIỆC BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

1. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ:

Vốn điều lệ dự kiến sau khi cổ phần hóa: 404.099.500.000 đồng. Nhà nước tiếp tục thoái vốn 26% vốn điều lệ xuống còn nắm giữ 49% vốn điều lệ giai đoạn 2014 - 2015.

- Tỷ lệ cổ phần dự kiến:
 - Nhà nước: 75% tương đương 30.307.462 cổ phần
 - Người lao động: 4,81% tương đương 1.944.900 cổ phần
 - Tổ chức công đoàn: 0,19% tương đương 75.000 cổ phần
 - Nhà đầu tư chiến lược: 10,00% tương đương 4.041.000 cổ phần
 - Nhà đầu tư thông thường: 10,00% tương đương 4.041.588 cổ phần

2. Loại cổ phần và phương thức phát hành

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

a. Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV

- Cổ phần bán theo giá ưu đãi bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất theo số năm làm việc thực tế tại khu vực nhà nước cho người lao động trong doanh nghiệp là 1.201.500 cổ phần với tổng mệnh giá là 12.015.000.000 đồng chiếm 2,97% vốn điều lệ Công ty cổ phần.
- Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo giá đấu thành công thấp nhất có cam kết làm việc lâu dài cho công ty trong thời hạn ít nhất 3 năm là 743.400 cổ phần với tổng mệnh giá là 7.434.000.000 đồng chiếm 1,84% vốn điều lệ Công ty cổ phần.

b. Cổ phần bán ưu đãi cho công đoàn

Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn theo giá ưu đãi bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất là 75.000 cổ phần với tổng mệnh giá là 750.000.000 đồng chiếm 0,19% vốn điều lệ Công ty cổ phần.

c. Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược

- Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược theo giá đấu bình quân của kết quả đấu giá công khai thành công là 4.041.000 cổ phần với tổng mệnh giá là 40.410.000.000 đồng chiếm 10,00% vốn điều lệ Công ty cổ phần.

d. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

Tổ chức bán đấu giá 4.041.588 cổ phần với tổng mệnh giá là 40.415.880.000 đồng cho các nhà đầu tư thông qua Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Giá khởi điểm: 12.000 đồng/cổ phần.
- Tên và địa chỉ tổ chức bán đấu giá: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước theo quy định của pháp luật.
- Thời gian và địa điểm phát đơn: theo quy chế đấu giá
- Thời gian và địa điểm nộp đơn và đặt tiền cọc: theo quy chế đấu giá
- Thời gian và địa điểm bán đấu giá: theo quy chế đấu giá

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY:

1. Khái quát về quá trình thành lập và phát triển Công ty:

1.1 Thông tin chung về Công ty:

Công ty TNHH một thành viên Cảng Quy Nhơn được thành lập theo Quyết định số 804/QĐ-HĐQT ngày 31/10/2009 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc chuyển Cảng Quy Nhơn – Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cảng Quy Nhơn.

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẢNG QUY NHƠN
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt: CẢNG QUY NHƠN
- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: QUYNHON PORT HOLDING LIMITED LIABILITY COMPANY.
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: QUYNHON PORT
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 Phan Chu Trinh, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại : (84-56) 3892363
- Fax : (84-56) 3891783
- Email : quinhonport@dng.vnn.vn

- Website : www.quinhonport.com.vn
- Tài khoản đồng Việt Nam: : 58 010 000 774 783 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tỉnh Bình Định.
- Tài khoản ngoại tệ: số 005.1.37.0004325 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Quy Nhơn.

1.2 Quá trình thành lập và phát triển Công ty:

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, để phục vụ cho công cuộc khôi phục và xây dựng đất nước sau chiến tranh, ngày 19/01/1976 Bộ Giao thông Vận tải đã có Quyết định số 222/QĐ-TC về việc thành lập Cảng Quy Nhơn. Theo sự điều động của Đảng, một bộ phận cán bộ được phân công tiếp quản cảng trên cơ sở một cảng quân sự phục vụ chiến tranh của chế độ cũ để lại, trang thiết bị, kho tàng, nhà cửa, công cụ sản xuất hầu như chẳng có gì.

Lợi thế của Cảng Quy Nhơn là nằm ở khu vực có điều kiện tự nhiên tốt, có vị trí địa lý thuận lợi gần hệ thống đường sắt quốc gia, quốc lộ 1A, sân bay Phù Cát; là điểm đầu của quốc lộ 19, cánh cửa mở ra biển của khu vực Nam Trung bộ, Tây Nguyên, Đông bắc Campuchia và Nam Lào. Tuy có những điều kiện tự nhiên thuận lợi nhưng cảng nằm trong vùng kinh tế có một thời gian dài chậm phát triển, thu hút đầu tư ít, có nhiều khó khăn cả về điều kiện kỹ thuật, cơ sở vật chất, nguồn hàng xuất nhập khẩu, và cũng bị ảnh hưởng nhiều bởi khí hậu, thời tiết...

Những năm đầu sau giải phóng, nền kinh tế cả nước còn khó khăn nên sự quan tâm đầu tư cho cảng còn rất hạn chế. Dù đội ngũ lãnh đạo và CBCNV của cảng nỗ lực phấn đấu rất nhiều nhưng tổng sản lượng hàng hóa thông qua cảng của năm 1976 chỉ đạt khoảng 50.000 tấn. Trong nhiều năm sau đó, sản lượng hàng hóa thông qua cảng vẫn tăng rất chậm. Nếu năm 1980, đạt 76.243 tấn thì mãi đến 5 năm sau (1985) cũng chỉ mới đạt 151.564 tấn. Trong suốt 11 năm liền (1976 – 1987) việc kinh doanh của cảng hầu như không có lãi, đời sống CBCNV gặp nhiều khó khăn.

Điểm khởi sắc bắt đầu đó là thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng và Nhà nước, năm 1989 Cảng Quy Nhơn được Bộ Giao thông Vận tải quyết định cho thực hiện thí điểm mô hình sản xuất kinh doanh tự trang trải. Đây chính là cơ chế quan trọng để Cảng Quy Nhơn phát huy tiềm năng. Ngay trong năm đầu tiên tự hạch toán kinh doanh, tổng sản lượng hàng hóa thông qua cảng đã nâng lên 270.000 tấn gần gấp đôi so với năm trước đó.

Có thể nói chính việc chuyển đổi cơ chế hoạt động các doanh nghiệp đã tận dụng được nhiều lợi thế về tự nhiên cũng như nội lực. Vì vậy, từ năm 1990 đến nay Cảng Quy Nhơn luôn có bước phát triển toàn diện và vững chắc. Tổng sản lượng hàng hóa thông qua cảng năm sau luôn cao hơn năm trước. Năm 2010, sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Quy Nhơn là 4.501.555 tấn vượt 204,6% thiết kế (4.501.555.tấn/ 2.200.000 tấn). Năm 2012 sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Quy Nhơn đạt 5.778.789 tấn vượt công suất

thiết kế 262,7%. Là Cảng dẫn đầu của khu vực Miền Trung và được biểu dương là một trong những cảng của cả nước khai thác có hiệu quả số mét cầu cảng (theo công suất thiết kế 2.200.000T/820 mét cầu cảng = 2.683 T/m, thì công suất trong năm 2012 Cảng Quy Nhơn đạt được là: 6.848,5 T/m).

2. Ngành nghề sản xuất kinh doanh :

Công ty TNHH một thành viên Cảng Quy Nhơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100258793 cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2009 và được đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 02 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Ngành nghề kinh doanh bao gồm:

- Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng;
- Kinh doanh bốc xếp, bảo quản và giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh kho bãi - kho ngoại quan;
- Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển, vận tải đa phương thức;
- Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng; hỗ trợ, lai dắt tàu biển;
- Đại lý vận tải thủy, bộ;
- Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị phục vụ khai thác cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ ăn uống; dịch vụ cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển;
- Đại lý kinh doanh cung ứng xăng dầu;
- Gia công, sản xuất các sản phẩm cơ khí;
- Sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thủy, bộ;
- San lấp mặt bằng; xây dựng, sửa chữa cầu cảng; gia công, lắp ghép các bộ phận của cầu và bến cảng;
- Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất đồ gỗ;
- Kinh doanh các ngành, nghề khác mà pháp luật không cấm.

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu:

Kinh doanh khai thác cảng

Kinh doanh khác:

- Kinh doanh khai thác kho – bãi.
- Kinh doanh các dịch vụ khác: Đưa đón, hỗ trợ tàu ra vào Cảng, Dịch vụ đại lý vận tải thủy bộ; sửa chữa phương tiện thủy bộ; xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp; đại lý kinh doanh cung ứng xăng dầu - xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phục vụ cho hoạt động SXKD của Cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu; cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển...

4. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần :

Tổng lao động chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần:	825 người
Trong đó :	
+ Lao động có trình độ đại học và trên đại học:	154 người
+ Lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp:	24 người
+ Công nhân kỹ thuật:	336 người
+ Lao động khác:	311 người

Chính sách đối với người lao động: Công ty áp dụng các quy định, quy chế và các thông lệ trong công tác quản lý lao động phù hợp với Luật lao động, ký kết hợp đồng lao động nhằm đảm bảo quyền lợi người lao động và tuân thủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ. Ngoài ra, Công ty còn có chính sách khen thưởng, động viên, khuyến khích người lao động nỗ lực trong cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động và hoàn thành kế hoạch kinh doanh.

5. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sản xuất Công ty:

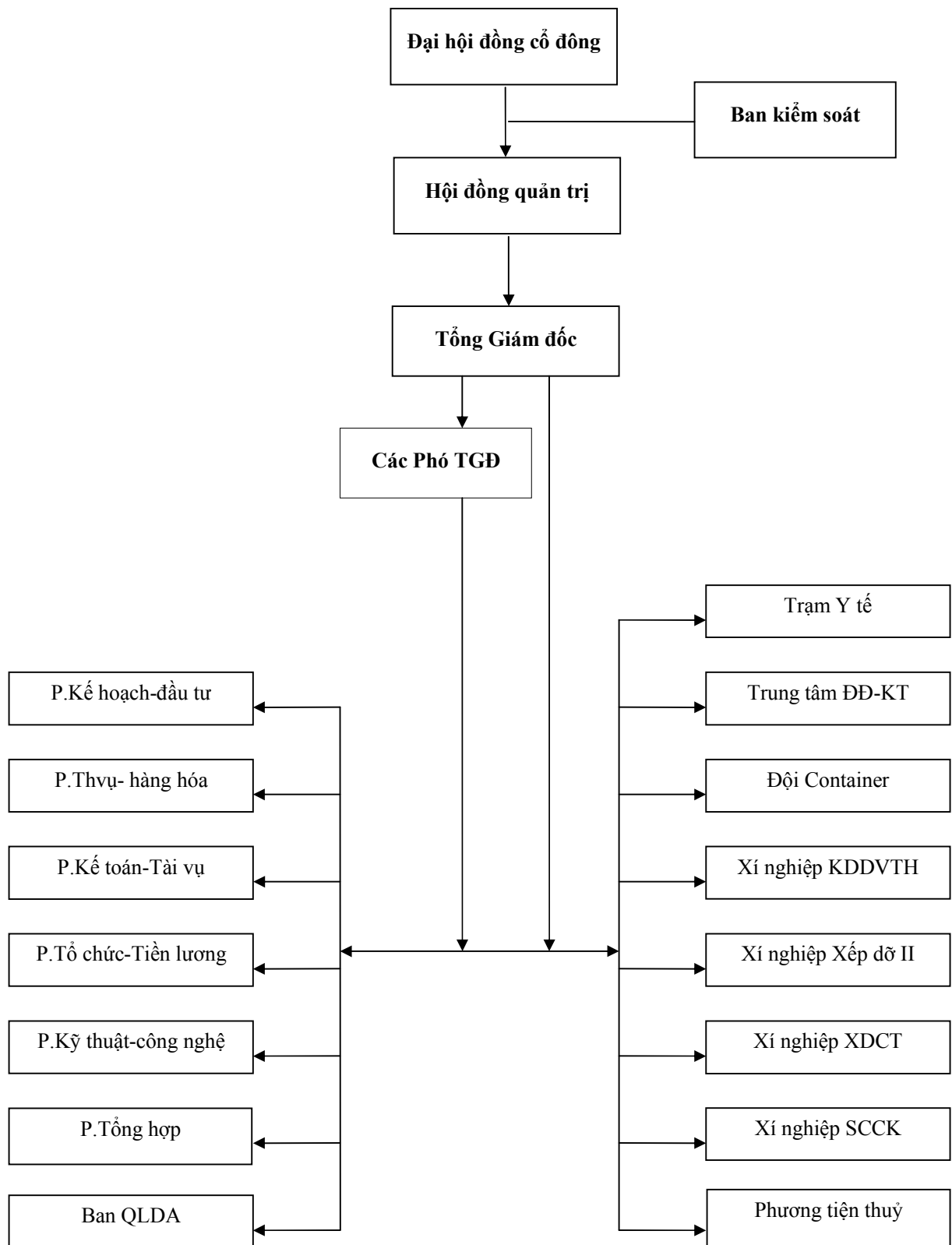
Sau cổ phần hóa, Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.

Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty như sau:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban điều hành:
 - Tổng giám đốc
 - Các Phó Tổng giám đốc
- Các phòng, ban chức năng:
 - Phòng Kế hoạch - Đầu tư
 - Phòng Thương vụ - Hàng hóa
 - Phòng Kế toán - Tài vụ
 - Phòng Tổ chức- Tiền lương
 - Phòng Kỹ thuật - Công nghệ - Môi trường
 - Phòng Tổng hợp
 - Ban Quản lý dự án
- Các đơn vị trực thuộc :
 - Trung tâm Điều độ - Khai thác
 - Đội Container
 - Trạm Y tế
- Các chi nhánh - xí nghiệp thành phần hạch toán phụ thuộc:

- Xí nghiệp Xếp dỡ II
 - Xí nghiệp Kinh doanh dịch vụ tổng hợp
 - Xí nghiệp Sửa chữa cơ khí
 - Xí nghiệp Xây dựng công trình
- Các công ty có cổ phần, vốn góp:
- Công ty cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn (vốn điều lệ là 107 tỷ đồng): Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn nắm giữ 16,68% vốn điều lệ.
 - Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn sở hữu vốn tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải là 146.792 cổ phần.

- Sơ đồ bộ máy tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa như sau



6. Danh sách công ty mẹ:

Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam: 100% vốn điều lệ

7. Danh sách công ty con:

Không có

8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp:**8.1 Thực trạng về tài sản:**

Tổng giá trị tài sản theo sổ sách kế toán tại ngày 31/03/2013 là **302.302.781.823** đồng (kèm theo **Biểu xác định giá trị tài sản**) bao gồm:

TT	Danh mục tài sản	Giá trị còn lại của tài sản (triệu đồng)	Cơ cấu tài sản (%)
I	Tài sản cố định đầu tư dài hạn	159.101	53%
1	Tài sản cố định	138,872	46%
a	Nhà cửa vật kiến trúc	31.816	11%
b	Máy móc, thiết bị	1.902	1%
c	Phương tiện vận tải	103.079	34%
d	Tài sản khác	613	0,2%
e	Tài sản cố định vô hình	1.461	0,5%
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	19.189	6,3%
3	Tài sản dài hạn khác	1.039	0,3%
4	Tài sản dài hạn khác	2	0,0%
II	Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	143.201	47%
1	Vốn bằng tiền	52.708	17%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	15,700	5%
3	Các khoản phải thu	70.303	23%
4	Vật tư hàng hóa tồn kho	4.041	1%
5	Tài sản ngắn hạn khác	449	0,1%
	Tổng giá trị tài sản (I+II)	302.302	

Nguồn: Tổng hợp từ BCTC

8.2 Thực trạng về tài chính, công nợ:

TT	NGUỒN VỐN	Số tiền (triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn (%)
I	NỢ PHẢI TRẢ	109.722	36%
1	Nợ ngắn hạn	109.722	36%
a	Vay và nợ ngắn hạn	0	0%
b	Phải trả người bán	19.436	6%
c	Người mua trả tiền trước	1.157	0,4%
d	Phải trả người lao động	53.182	18%
e	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14.301	5%
f	Quỹ khen thưởng , phúc lợi, BQLĐH	900	0,3%
g	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	5.417	1,80%
h	Quỹ khen thưởng , phúc lợi, BQLĐH	15.329	5,10%
2	Nợ dài hạn	0	0%
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	192.580	64%
1	Vốn chủ sở hữu	145.728	48%
2	Quỹ đầu tư phát triển	34.428	11%
3	Quỹ dự phòng tài chính	12.424	4%
	Tổng nguồn vốn (I+II))	302.302	

Nguồn: Tổng hợp từ BCTC

8.3 Tình hình sử dụng nhà xưởng, đất đai:

Tên lô	Địa điểm	Diện tích (m2)	Hình thức (giao, thuê)	Hồ sơ pháp lý
Khu đất số 1	Phường Hải Cảng, Tp.Quy Nhơn, tỉnh	291.906,8	Thuê	HĐ 228-229-230-231/HĐ-TĐBS ngày

	Bình Định			19/12/2012
Khu đất số 2: Trạm cấp nước	Phường Hải Cảng, Tp.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	813,3	Giao đất không thu tiền sử dụng đất cho mục đích công cộng	Quyết định số 2719/UBND-NĐ ngày 19/8/2009 của UBND tỉnh Bình Định về việc hình thức sử dụng đất trạm cấp (sử dụng vào mục đích công cộng không kinh doanh). - Giấy chứng nhận QSD đất số BA 603382 do UBND tỉnh Bình Định cấp ngày 23/12/2010 cho diện tích 813,3 m ² .
Nhà tập thể CBCNV	94 Lê Hồng Phong, TP Quy Nhơn	118	Cảng Quy Nhơn mua lại nhà tư nhân	Hồ sơ mua bán nhà với bên mua là Cảng Quy Nhơn (đại diện là ông Ngô Hải Triều) và bên bán là ông, bà Phạm Chí và Trần Thị Thu Ba, chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu

Nguồn: Phương án cổ phần hóa

8.4 Phương án sử dụng đất:

- *Khu đất thứ 1:* Chuyển toàn bộ đất có nguồn gốc nhà nước cho thuê (diện tích 291.906,8 m²) sang hình thức nhà nước cho thuê đất thời hạn 50 năm, với tổng diện tích 291.906,8 m² làm cơ sở sản xuất kinh doanh của công ty. Tiếp tục thực hiện việc trả tiền thuê đất hàng năm theo các hợp đồng số 228 – 229 – 230 – 231/HĐ-TĐBS ngày 19/12/2012 giữa UBND tỉnh Bình Định và Công ty TNHH một thành viên Cảng Quy Nhơn.
- *Khu đất thứ 2:* Đề nghị tiếp tục giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với khu đất làm trạm cấp nước (sử dụng vào mục đích công cộng không kinh doanh) với diện tích 813,3m².
- *Nhà tập thể CBCNV tại địa chỉ 94 Lê Hồng Phong, TP.Quy Nhơn:* Chuyển giao khu đất và tài sản trên đất tại địa chỉ cho cơ quan quản lý nhà đất của địa phương quản lý, với diện tích 118 m².

9. Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 31/03/2013

Theo Quyết định xác định giá trị doanh nghiệp số 296/QĐ-HHVN ngày 25/06/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá (kèm theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp)

Giá trị thực tế của Doanh nghiệp: 513.823.121.425 (Bằng chữ: Năm trăm mười ba tỷ, tám trăm hai mươi ba triệu, một trăm hai mươi một ngàn, bốn trăm hai mươi lăm đồng)

Trong đó: Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp: **404.099.508.705** đồng (Bằng chữ: Bốn trăm lẻ bốn tỷ, không trăm chín mươi chín triệu, năm trăm linh tám ngàn, bảy trăm linh năm đồng)

Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp:

a. Tài sản không cần dùng có nguyên giá:	0 đồng
Giá trị còn lại:	0 đồng
Trong đó:	
- Tài sản cố định (nguyên giá):	0 đồng
- Công nợ phải thu khó đòi:	0 đồng
- Hàng hóa vật tư ứ đọng:	0 đồng
b. Tài sản chờ thanh lý:	0 đồng
c. Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng phúc lợi:	0 đồng

Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

Bàn giao lại các tài sản sau cho Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam tiếp tục xử lý sau cổ phần hóa

Tên và thiết bị thi công	Năm SD	Theo sổ sách kế toán			Phương án xử lý
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại	
TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG CHỜ THANH LÝ		264.293.216	264.293.216	-	
Nhà cửa, vật kiến trúc		81.729.332	81.729.332	-	
Nhà ở 9 gian	1981	15.565.000	15.565.000	-	Bàn giao Tổng Công ty
Nhà ở 12 gian	1981	31.130.000	31.130.000	-	
Nhà ở tập thể 5 gian	1981	31.811.200	31.811.200	-	
Nhà ở vòm 3 gian số 1+2	1988	2.785.948	2.785.948	-	

Nhà ở vòm 11 gian	1985	437.184	437.184	-	
Phương tiện vận tải		182.563.884	182.563.884	-	
Xe đầu kéo 77K-2622	1990	63.079.460	63.079.460	-	Bán Thanh lý
Xe đầu kéo 77K-2623	1990	59.742.212	59.742.212	-	Bán Thanh lý
Xe đầu kéo 77K-2677	1990	59.742.212	59.742.212	-	Bán Thanh lý
TÀI SẢN CHỜ BÀN GIAO		41.743.014	41.743.014	-	
Nhà ở số 94 Lê Hồng Phong	1976	41.743.014	41.743.014	-	Bàn giao cho Cơ quan quản lý nhà đất của tỉnh Bình Định
Sân tennis		110.000.000	110.000.000	-	Bàn giao cho tổ chức công đoàn Khi chuyển sang Cty Cổ Phần
Tổng cộng:		306.036.230	306.036.230	-	

Nguồn: Phương án cổ phần hóa

10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm trước khi cổ phần hóa (2010-2012):

10.1 Giá trị sản phẩm/dịch vụ qua các năm:

Doanh thu	2010		2011		2012	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán hàng hóa	32,483	12,1%	44,428	13,2%	52,946	12,9%
Doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê kho bãi)	235,686	87,9%	291,58	86,8%	357,262	87,1%

Lợi nhuận	2010		2011		2012	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Lợi nhuận bán hàng hóa	1,95	17 %	1,425	10%	0,610	4%
Lợi nhuận cung cấp dịch vụ (cho thuê kho bãi)	9,769	83%	12,576	90%	14,756	96%

Nguồn: Cảng Quy Nhơn

10.2 Nguyên vật liệu

Do đặc thù kinh doanh khai thác cảng, khai thác kho bãi, nguyên vật liệu chính của công ty là xăng dầu, được cung cấp bởi các công ty kinh doanh xăng dầu trong nước.

Nguồn cung cấp nguyên vật liệu này khá ổn định, giá cả biến động theo quy định của Nhà nước. Sự thay đổi giá cả xăng dầu sẽ ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

10.3 Chi phí sản xuất

Khoản mục	2010		2011		2012	
	Giá trị (Tỷ đồng)	%DTT	Giá trị (tỷ đồng)	%DTT	Giá trị (tỷ đồng)	%DTT
Giá vốn hàng bán	242,963	90,6%	304,562	90,6%	369,594	90,1%
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	16,704	6,2%	22,136	6,6%	25,094	6,1%
Chi phí tài chính	0,486	0,2%	0,571	0,2%	0,03156	0,0%
Chi phí khác	1,108	0,4%	0,405	0,1%	3,08	0,8%

Nguồn: Tổng hợp từ BCTC đã kiểm toán

Chi phí sản xuất của Công ty khá cao trong khi giá cước phải cạnh tranh với các Cảng khác trong khu vực, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Cảng Quy Nhơn. Để cải thiện kết quả kinh doanh, công ty đã có những hoạt động đầu tư và đổi mới doanh nghiệp (về đầu tư cầu tàu, kho bãi, thiết bị làm hàng, đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật, áp dụng công nghệ thông tin vào trong quản lý và khai thác, tuân thủ quy trình kiểm tra chất lượng) nhằm tăng doanh thu và tiết giảm chi phí.

10.4 Trình độ công nghệ:

Được xem là một trong những cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực (loại 1) của nhóm cảng biển Nam Trung Bộ, Cảng Quy Nhơn có năng lực tiếp nhận cụ thể như sau:

a. Luồng vào cảng:

- Dài: **9 km**. Độ sâu: - **11,0 m**.
- Chế độ thủy triều: **Bán nhật triều không đều**.
- Chênh lệch bình quân: **2m**. Mớn nước cao nhất tàu ra vào: - **13,8m**.
- Cờ tàu lớn nhất tiếp nhận được:
 - Cờ tàu đến 30.000DWT với tần suất bình thường.
 - Cờ tàu đến 50.000DWT giảm tải.

b. Hệ thống Kho /bãi:

Tổng diện tích mặt bằng: **306.568 m²**, trong đó:

- Kho : **20.960 m²**, trong đó kho CFS **1.971 m²**.

- Bãi : **201.000 m²** , bãi chứa container **48.000 m²**.
- Bồn: **12.000 m³**, Sức chứa tổng cộng : **200.000 MT**.

c. **Hệ thống Cầu bến: 01 bến phao, độ sâu - 7 mét (1 buoy berth, depth: - 7m).**

<i>Tên/Số hiệu</i>	<i>Dài</i>	<i>Sâu (Hải đồ)</i>	<i>Loại tàu/Hàng</i>
Cầu số 1	115m	- 7,5m	25.000T / Bao,rời,gỗ cây
Cầu số 2	115m	- 7,5m	25.000T / Bao/Container.
Cầu số 3	120m	- 7,5m	25.000T / Bao/Container.
Cầu số 4	155m	- 8,5m	20.000T / Bao, rời
Cầu số 5	155m	- 8,5m	20.000T / Bao, rời, container
Cầu số 6	175m	- 11,8m	50.000T / Bao, rời, container

Nguồn: Cảng Quy Nhơn

d. **Phương tiện, thiết bị:**

<i>Loại/kiểu</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Sức nâng/tải/công suất</i>
Cần cầu bờ di động	02	63 & 100 tấn
Xe cầu 100MT	01	100 tấn
Xe cầu các loại	26	07- 80 tấn
Xe nâng container	07	10-45 tấn
Xe nâng hàng	15	1.7 - 7 tấn
Tàu lai	05	800HP - 5.000 HP
Đầu kéo có sơ mi rơ mooc	25	-
Xe tải/ben	60	14 – 16 tấn
Xe xúc, đào các loại	21	-
Trạm cân ô-tô	03	80 MT-100 tấn

Nguồn: Cảng Quy Nhơn

-Cơ sở vật chất với 6 cầu tàu, tổng chiều dài 824m, có thể tiếp nhận tàu trọng tải 30.000 DWT với tần suất bình thường, tàu có trọng tải 50.000DWT giảm tải; hệ thống luồng lạch, phao tiêu hoàn chỉnh, dẫn dắt tàu ra vào 24/24h. Hàng trăm thiết bị, phương tiện, công cụ xếp dỡ đã được trang bị đủ khả năng xếp dỡ tất cả các loại hàng rời, hàng container, kể cả hàng siêu trường, siêu trọng.

- Hệ thống kho bãi được xây dựng qui mô, theo tiêu chuẩn chất lượng cao, được chia theo từng khu vực chuyên dùng, đảm bảo phù hợp với điều kiện lưu kho, bảo quản, xếp dỡ, vận chuyển cho từng loại hàng hoá.

- Đối với tàu định tuyến theo lịch trình thường xuyên về Cảng (container) thì được ưu tiên bố trí cầu cảng, sẵn sàng tiếp nhận giải phóng tàu theo kế hoạch khai thác thường xuyên của Cảng.

- Đối với tàu hàng rời, Cảng Quy Nhơn sẽ căn cứ vào các điều kiện cầu bến, kho bãi, nhân lực, thiết bị và các điều kiện liên quan khác để sắp xếp cầu bến hợp lý và giải phóng tàu nhanh nhất có thể được.

10.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty luôn quan tâm đến việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Cảng Quy Nhơn xác định việc đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại chính là điểm mấu chốt. Tiếp đến là đầu tư ứng dụng sâu rộng công nghệ thông tin và hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử trong quản lý, khai thác Cảng phục vụ cho yêu cầu hội nhập quốc tế. Song song đó, Cảng cũng nghiên cứu, đề xuất bổ sung quy hoạch phát triển hệ thống cầu tàu liền bờ về phía Tây để tăng năng lực khai thác; khảo sát một số vị trí phù hợp ở vùng hậu phương dọc theo tuyến hành lang Kinh tế Đông – Tây để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phát triển dịch vụ logistics nhằm khai thác tốt các lợi thế của Cảng.

10.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Hệ thống quản lý, điều hành của Cảng Quy Nhơn phù hợp theo tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2008, với mục tiêu “UY TÍN-CHẤT LƯỢNG-AN TOÀN-PHÁT TRIỂN”. Vấn đề chất lượng sản phẩm và chất lượng dịch vụ cung cấp luôn được Công ty ưu tiên đặt lên hàng đầu. Công ty luôn giữ mối liên hệ chặt chẽ với khách hàng nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

10.7 Hoạt động marketing

Nhờ chất lượng dịch vụ, năng suất cao, giải phóng tàu nhanh mà hiện nay thương hiệu Cảng Quy Nhơn đã được nhiều chủ hàng, chủ tàu trong nước và quốc tế biết đến. Cùng với việc đẩy mạnh hoạt động thu hút hàng hóa, đặc biệt là thị trường hàng hóa nội địa; chủ động tìm kiếm khách hàng mới, Cảng Quy Nhơn còn tăng cường phát huy nội lực, liên tục đầu tư nhiều phương tiện thiết bị mới, cải tiến công nghệ nhằm tăng năng suất lao động cũng như chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đảm bảo an toàn hàng hóa cho khách hàng. Mặt khác, Cảng Quy Nhơn cũng thường xuyên cải tiến, hoàn thiện quy trình quản lý chất lượng ISO 9001: 2008; cải tiến, tinh giản các thủ tục hành chính để tiết kiệm thời gian và chi phí, đồng thời giúp quá trình quản lý, điều hành sản xuất được chặt chẽ, thông suốt, giữ vững uy tín đối với khách hàng.

10.8 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Không có

10.9 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Ngày ký	Số HĐ	Đối tác	Nước	Nội dung	Giá trị
1	01/01/2013	01/2013/ HĐKT	Công ty liên doanh Pil Việt Nam	Singapore	Xếp dỡ, giao nhận, bảo quản và lưu bãi container tại	Hợp đồng nguyên tắc

					Cảng Quy Nhơn	
2	01/01/2013	06/2013/ HĐKT	CTY TNHH MSC VIỆT NAM	Thụy Sĩ	Xếp dỡ, giao nhận, bảo quản và lưu bãi container tại Cảng Quy Nhơn	Hợp đồng nguyên tắc
3	01/01/2013	14/2013/ HĐKT	CTY TNHH CONTAINER MIỀN TRUNG	Đài Loan	Xếp dỡ, giao nhận, bảo quản và lưu bãi container tại Cảng Quy Nhơn	Hợp đồng nguyên tắc
4	01/01/2013	15/2013/ HĐKT	CTY TNHH MAERSK VIỆT NAM	Đan Mạch	Xếp dỡ, giao nhận, bảo quản và lưu bãi container tại Cảng Quy Nhơn	Hợp đồng nguyên tắc
5	02/01/2013	16/2013/ HĐKT	CTY CỔ PHẦN Á VẬN	Singapore	Xếp dỡ, giao nhận, bảo quản và lưu bãi container tại Cảng Quy Nhơn	Hợp đồng nguyên tắc
6	02/01/2013	06/2013/ HĐKT	CTY TNHH ĐỨC HẢI	VIỆT NAM	Cung cấp dịch vụ bốc xếp hàng dầm gỗ rời	Hợp đồng nguyên tắc
7	02/01/2013	115/201 3/HĐKT	CTY TNHH PHÚ HIỆP	VIỆT NAM	Cung cấp dịch vụ bốc xếp hàng titan rời, bao	Hợp đồng nguyên tắc
8	02/01/2013	77/2013/ HĐKT	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỊNH PHÁT KON TUM	VIỆT NAM	Cung cấp dịch vụ bốc xếp hàng sản lát	Hợp đồng nguyên tắc
9	02/01/2013	75/2013/ HĐKT	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG SẢN	VIỆT NAM	Cung cấp dịch vụ bốc xếp hàng phân bón	Hợp đồng nguyên tắc
10	02/01/2013	74/2013/ HĐKT	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP BÌNH ĐỊNH	VIỆT NAM	Cung cấp dịch vụ bốc xếp hàng phân bón	Hợp đồng nguyên tắc
11	Ngoài ra công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với hơn 400 khách hàng trong và ngoài nước					

Nguồn: Cảng Quy Nhơn

10.10 Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước cổ phần hóa:

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Tổng giá trị tài sản	tỷ đồng	223,338	234,565	270,042
Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	tỷ đồng	188,848	197,701	199,852
Nợ vay ngắn hạn	tỷ đồng	0	0	0
<i>trong đó: nợ quá hạn</i>	tỷ đồng	0	0	0
Nợ phải thu khó đòi	tỷ đồng	0	0	0
Tổng số lao động	người	893	925	932
Tổng quỹ lương	tỷ đồng	90,844	124,226	137,225
Thu nhập bình quân người/tháng	triệu đồng	8,477	11,191	12,269
Tổng doanh thu	tỷ đồng	268,169	336,009	410,209
Tổng chi phí	tỷ đồng	252,621	317,371	389,586
Lợi nhuận thực hiện	tỷ đồng	15,548	18,638	20,623
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	11,719	14,001	15,366
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước	%	6,2%	7,1%	7,7%

Nguồn: Cảng Quy Nhơn và tổng hợp từ BCTC đã kiểm toán

10.11 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2010, sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Quy Nhơn đạt 4.500.000 tấn, là cảng nhiều năm đạt sản lượng cao nhất các cảng Miền Trung và về trước thời hạn 10 năm so với chỉ tiêu hàng hóa thông qua cảng theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Doanh thu năm 2010 đạt hơn 260 tỷ đồng, lợi nhuận hơn 15 tỷ đồng. Đây cũng là năm Cảng Quy Nhơn được xếp trong 1.000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam với khoản nộp ngân sách hơn 15 tỷ đồng.

Năm 2012 sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Quy Nhơn đạt 5.778.789 tấn vượt công suất thiết kế 262,7%. Là Cảng dẫn đầu của khu vực Miền Trung và được biểu dương là một trong những cảng của cả nước khai thác có hiệu quả số mét cầu cảng (theo công suất thiết kế 2.200.000T/820 mét cầu cảng = 2.683 T/m, thì công suất trong năm 2012

Cảng Quy Nhơn đạt được là: 6.848,5 T/m); tổng doanh thu đạt 418 tỷ đồng; lợi nhuận đạt 20,6 tỷ đồng; Nộp ngân sách đạt 25 tỷ đồng.

Đến hôm nay Cảng Quy Nhơn đã khẳng định được vai trò là một cảng quan trọng thu hút hầu hết nguồn hàng của khu vực Nam Trung bộ - Tây Nguyên, Nam Lào và cũng từng bước làm sáng tỏ vai trò cửa ngõ ra biển của các nước tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, được nhiều nhà đầu tư, tổ chức tài chính, ngân hàng quốc tế quan tâm nghiên cứu. Cảng cũng đã có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu xếp dỡ các mặt hàng siêu trường, siêu trọng, hàng container và các mặt hàng tổng hợp khác; đồng thời phát triển nhiều ngành nghề vừa mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo việc làm vừa hỗ trợ cho nhiệm vụ nâng cao chất lượng trong khai thác cảng.

11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

11.1 Vị thế của Công ty trong ngành

- Nằm ở điểm đầu của Quốc lộ 19, nối liền Quốc lộ 1A và Quốc lộ 14, Cảng Quy Nhơn được xem là cửa ngõ ra biển Đông của khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, các nước trong Tiểu vùng sông Mê Kông và của cả tuyến đường Hành lang Kinh tế Đông – Tây. Cảng Quy Nhơn còn có lợi thế đặc biệt khi nằm sát tuyến đường hàng hải quốc tế, giữ vị trí trung tâm của các nước trong vùng Đông Nam Á và Đông Á, có trên 10 tuyến đường biển nối với các cảng quốc tế như: Manila (Philippin), Singapore, Hong Kong, Cao Hùng (Đài Loan), Bangkok (Thái Lan), Tokyo (Nhật Bản), Vladivostok (Nga)... nên rất thuận tiện cho tàu biển nước ngoài ra vào.

- Trong nhiều năm liền, Cảng Quy Nhơn luôn là cảng dẫn đầu khu vực miền Trung và đứng thứ ba toàn quốc về sản lượng hàng hóa thông qua, xác lập và giữ vững vai trò là cảng biển quan trọng của tuyến hành lang kinh tế đông - tây, là cửa ngõ, đầu mối giao thông quan trọng của khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

- Trong hệ thống cảng biển Việt Nam, Cảng Quy Nhơn được đánh giá là một trong những cảng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển. Cảng Quy Nhơn là cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực (loại 1) của nhóm cảng biển Nam Trung Bộ, nằm trong Vịnh Quy Nhơn, có bán đảo Phương Mai che chắn, kín gió, thuận lợi cho tàu neo đậu và xếp dỡ hàng quanh năm. Luồng vào cảng dài 9 km và cầu cảng có độ sâu tự nhiên -11m (hải đồ) có thể tiếp nhận được các loại tàu đến 30.000 DWT ra vào bình thường và tàu 50.000 DWT (giảm tải). Cảng có cơ sở hạ tầng hoàn thiện với 06 cầu tàu, tổng chiều dài 824 mét; hệ thống luồng lạch, phao tiêu hoàn chỉnh, dẫn dắt tàu ra vào 24/24h, cùng hàng trăm thiết bị, phương tiện, công cụ xếp dỡ đã được trang bị đủ khả năng xếp dỡ tất cả các loại hàng rời, hàng container, kể cả hàng siêu trường, siêu trọng. Hệ thống kho bãi được xây dựng qui mô, theo tiêu chuẩn chất lượng cao, được chia theo từng khu vực chuyên dùng; đảm bảo phù hợp với điều kiện lưu kho, bảo quản, xếp dỡ, vận chuyển cho từng loại hàng hóa. Ngoài ra, Cảng còn sử dụng hệ thống quản lý, điều hành theo tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2008 và đã được Bộ Khoa học và Công nghệ chứng nhận Cúp vàng ISO vào năm 2006.

- Bên cạnh đó, Cảng Quy Nhơn còn được khách hàng tín nhiệm bởi phong cách làm việc linh hoạt, trách nhiệm và chuyên nghiệp. Từ nhiều năm qua Cảng luôn được các chủ

hàng, chủ tàu trong nước và quốc tế biết đến với năng suất, chất lượng cao, giải phóng tàu nhanh. Đó cũng chính là những yếu tố giúp Cảng nâng cao được khả năng cạnh tranh trên thị trường, khẳng định thương hiệu và giữ vững tốc độ tăng trưởng hằng năm. Đặc biệt, sau khi chuyển đổi từ mô hình doanh nghiệp nhà nước sang Công ty TNHH một thành viên, Cảng Quy Nhơn đã lập được những dấu mốc tăng trưởng ấn tượng. Nếu những năm 2000, sản lượng hàng hóa thông qua Cảng chỉ khoảng 1,4 triệu tấn thì đến năm 2009, con số này đạt trên 3,9 triệu tấn, năm 2010 đạt trên 4,5 triệu tấn. Năm 2011, sản lượng hàng hóa thông qua cảng đạt con số kỷ lục 5,5 triệu tấn, tăng 22% so với cùng kỳ; doanh thu đạt 346 tỷ đồng, tăng 21% so với kế hoạch; các chỉ tiêu về kinh tế, kỹ thuật và đời sống của CBCNV cũng không ngừng được tăng lên. Đặc biệt, một trong những sự kiện nổi bật ghi nhận thành tích của Cảng và đánh dấu 35 năm thành lập đó là đón chuyển tàu thứ 5 triệu thông qua Cảng vào tháng 12/2011.

11.2 Triển vọng phát triển của ngành:

- Theo quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến 2020 do Thủ tướng chính phủ phê duyệt trong Quyết định số 2190/QĐ-TTg ngày 24/12/2009, mục tiêu chung của việc quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển là nhằm “phát triển hệ thống cảng biển theo một quy hoạch tổng thể và thống nhất trên cả nước nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tạo cơ sở vật chất kỹ thuật để nhanh chóng đưa nước ta vào hội nhập và đủ sức cạnh tranh trong hoạt động cảng biển..... Hình thành những đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng với quốc tế làm động lực phát triển các khu kinh tế, đô thị - công nghiệp ven biển.”

- Ngoài ra, cũng theo quy hoạch này, dự kiến lượng hàng thông qua toàn bộ hệ thống tại các thời điểm quy hoạch đạt 500-600 triệu tấn/năm vào năm 2015, 900-1.100 triệu tấn/năm vào năm 2020 và 1.600-2.100 triệu tấn/năm vào năm 2030. Trong đó, nhóm cảng biển Nam Trung Bộ, bao gồm cảng Quy Nhơn – cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực (loại I) có lượng hàng hóa thông qua dự kiến 63-100 triệu tấn/năm vào năm 2015, 142-202 triệu tấn/năm vào năm 2020 và 271-384 triệu tấn/năm vào năm 2030. Quy Nhơn, Thị Nại là khu bến chính cho tàu 1-3 vạn DWT làm hàng tổng hợp có bến chuyên dụng cho tàu 5-7 nghìn DWT.

11.3 Định hướng phát triển của Công ty

Theo xu hướng hội nhập và phát triển, Cảng Quy Nhơn sẽ là Cảng trọng điểm của khu vực Miền Trung, là đầu mối giao thương trong tuyến hành lang kinh tế Đông Tây, nối liền vùng kinh tế Miền Trung – Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và Bắc Thái Lan đi ra biển. Dự kiến đến năm 2015 sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Quy Nhơn sẽ đạt 10-12 triệu tấn/năm; đến năm 2020 sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Quy Nhơn dự kiến đạt khoảng 20 triệu tấn/năm. Trong khi theo công suất thiết kế cầu bến hiện nay sản lượng thông qua Cảng Quy Nhơn là 2,2 triệu tấn/năm. Năm 2012 sản lượng hàng hóa thông qua Cảng gần 6 triệu tấn/năm đã vượt công suất thiết kế gần 3 lần. Để Cảng có đủ năng lực tiếp nhận hàng hóa thông qua trong thời gian đến, Cảng Quy Nhơn đang xây dựng quy hoạch nâng cấp, mở rộng phát triển không gian Cảng Quy Nhơn nhằm đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hóa trong khu vực.

Ngoài ra, sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, Công ty sẽ tập trung thực hiện theo các định hướng phát triển như sau:

- Cải tiến công tác quản lý theo mô hình Công ty cổ phần để nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh của Công ty.
- Trong hoạt động kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, không ngừng ứng dụng công nghệ, tạo nên nhiều tiện ích đáp ứng nhu cầu khách hàng tiến hành, tái cơ cấu mô hình hoạt động nhằm phát triển kinh doanh theo hướng chuyên sâu.
- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực, xây dựng một đội ngũ cán bộ có tính chuyên nghiệp cao phát huy có hiệu quả nguồn lực tài chính và con người.

11.4 Sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng ngành:

Với hơn 80% khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam được vận chuyển bằng đường biển thông qua các cảng trong toàn quốc, ngành vận tải biển đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Tốc độ phát triển của ngành là khá cao, hứa hẹn nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong ngành nói chung và Cảng Quy Nhơn nói riêng vươn lên. Cùng với sự phát triển của ngành, lượng hàng hóa thông qua Cảng Quy Nhơn đều tăng trưởng trong những năm gần đây, khẳng định sự phù hợp với định hướng phát triển chung của cả nước.

12. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

12.1 Kế hoạch đầu tư và chiến lược phát triển doanh nghiệp sau cổ phần hóa

Căn cứ định hướng phát triển công ty sau khi chuyển sang công ty cổ phần, định hướng hoạt động đầu tư của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa trong những năm tiếp theo tập trung vào các nội dung sau:

- Triển khai quy hoạch phát triển mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, sau khi được Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải phê duyệt;
- Đầu tư về hạ tầng kho bãi, phương tiện thiết bị, công nghệ sản xuất đáp ứng yêu cầu nâng cao năng suất lao động và giải phóng tàu nhanh;
- Đầu tư xây dựng và ứng dụng sâu rộng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các dự án đầu tư sau cổ phần hóa sẽ được xây dựng và triển khai phù hợp để đảm bảo hiệu quả khi tiến hành các bước đầu tư và sau khi hoàn thành dự án, cụ thể một số dự án đầu tư cho giai đoạn 2013-2017 như sau:

STT	Dự án	Địa điểm đầu tư	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Thời gian đầu tư			
					2013	2014	2015	2016+2017
1	Lập quy hoạch chi tiết mở rộng mặt bằng Cảng Quy Nhơn	Cảng Quy Nhơn	130 ha	1.800	1.800	-	-	

2	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng các nhà kho chứa hàng.	Cảng Quy Nhơn	10.000 m ²	25.000	5.000	5.000	10.000	5.000
3	Nâng cấp hệ thống đường nội bộ, mặt bằng bãi hàng hóa.	Cảng Quy Nhơn	25.000 m ²	20.000	5.000	5.000	5.000	5.000
4	Đầu tư mới thiết bị, công cụ xếp dỡ.	Cảng Quy Nhơn		70.000	20.000	10.000	20.000	20.000
5	Đầu tư 01 tàu lai dắt	Cảng Quy Nhơn	Công suất 4.000 HP	30.000	5.000	25.000		
6	Trạm biến áp và hệ thống điện hạ áp.	Cảng Quy Nhơn	TBA 2.000 kva và hệ thống hạ áp	23.200	13.200	5.000	5.000	
7	Đầu tư cầu tàu 30.000WDT-50.000DWT	Cảng Quy Nhơn	Cầu tàu	450.000			110.000	340.000

Nguồn: Cảng Quy Nhơn

12.2 Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 5 năm sau cổ phần hóa

a. Đánh giá một số thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến SXKD của Công ty

i. Thuận lợi:

- Lãnh đạo, Đảng ủy, Công đoàn Công ty và các đơn vị trực thuộc quyết tâm đổi mới, đoàn kết khắc phục khó khăn, thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định của Chính phủ, ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

- Tập thể người lao động trong toàn Công ty ngày càng đoàn kết, tự tin hơn. Hầu hết CBCNV đều phấn khởi trước những thành công mà Cảng đã đạt được trong suốt những năm vừa qua và nhiệt tình ủng hộ chủ trương hóa Công ty.

- Những kết quả đã đạt được trong hoạt động đầu tư phát triển và đổi mới doanh nghiệp trong những năm gần đây (về đầu tư cầu tàu, kho bãi, thiết bị làm hàng, đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật, áp dụng công nghệ thông tin vào trong quản lý và khai thác, các chứng chỉ chất lượng, các cải tiến để tăng doanh thu và giảm chi phí...) cũng là một động lực lớn thúc đẩy Công ty quyết tâm đổi mới.

- Là một doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm hơn 30 năm trong lĩnh vực khai thác cảng, Cảng đã thiết lập được mối quan hệ làm ăn thuận lợi với các tổ chức tín dụng, khách hàng truyền thống.

- Các chính sách đổi mới của Nhà nước trong công tác quản lý đầu tư tín dụng ngày càng thông thoáng cũng là thuận lợi cho Cảng quyết tâm chuyển đổi mô hình tổ chức, đầu tư mạnh mẽ hơn để nhanh chóng tích tụ nội lực khi Việt Nam hội nhập toàn cầu.

- Với chính sách mở cửa và hội nhập toàn diện đã đem đến cho Công ty một số cơ hội hợp tác và phát triển thị trường cũng như việc thực hiện liên doanh, liên kết với các Cảng trong khu vực để tận dụng hết khả năng, kinh nghiệm và trang thiết bị bốc xếp.

- Sự thay đổi cơ chế hoạt động từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần sẽ tạo thêm động lực phát triển cho công ty. Công ty sẽ chủ động hơn trong định hướng chiến lược phát triển, về đầu tư cơ sở hạ tầng, bố trí lao động phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh và huy động vốn theo quy định của pháp luật.

- Người lao động sẽ là người chủ thực sự của công ty, có lợi ích gắn liền với sự tồn tại và phát triển của công ty từ đó có ý thức hơn trong lao động sản xuất, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.

- Sau khi cổ phần hóa, công ty sẽ có khả năng huy động được tối đa các nguồn lực vật chất, trí tuệ của các cổ đông, linh hoạt và chủ động trong sản xuất và kinh doanh.

- Công tác quản lý, việc phân phối thu nhập ở công ty cổ phần được đổi mới sẽ tạo động lực thúc đẩy CBCNV nỗ lực lao động sản xuất, mang lại hiệu quả cao cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

ii. Khó khăn:

- Khu vực miền Trung là vùng kinh tế chậm phát triển, thu hút đầu tư ít, chưa có mặt hàng truyền thống có khối lượng lớn, nên sản lượng hàng hóa thông qua các cảng trong khu vực hàng năm tăng không đáng kể; bên cạnh đó với sự đầu tư xây dựng và phát triển mạnh về kinh doanh khai thác cảng trong thời gian qua của cả nước nói chung và khu vực miền Trung nói riêng đã thu hẹp dần thị phần vốn đã nhỏ hẹp.

- Cơ sở hạ tầng của Cảng còn nhiều hạn chế, hàng hóa thông qua Cảng năm 2012 đã vượt hơn 255% so với công suất thiết kế, tàu - hàng đến Cảng theo thời vụ nên có lúc tàu phải chờ cầu cảng, ảnh hưởng đến uy tín của Cảng.

- Chi phí sản xuất lớn, nhưng giá cước phải cạnh tranh với các Cảng trong khu vực nên khó khăn trong việc phát triển doanh thu, nguồn vốn tích lũy để tái đầu tư còn hạn chế.

- Cơ sở hạ tầng cầu bến, kho bãi chưa đáp ứng đủ với yêu cầu phát triển trong giai đoạn hiện nay cũng như thỏa mãn các yêu cầu hợp lý của khách hàng;

- Giá vật tư nguyên liệu, chi phí sản xuất tăng dẫn đến giá thành dịch vụ ngày càng cao;

- Sự cạnh tranh không lành mạnh bằng việc lôi kéo khách hàng, nguồn hàng và giảm giá của một số cảng trong khu vực...

- Chuyển sang công ty cổ phần với áp lực phải hoạt động thật sự hiệu quả vì lợi ích của các cổ đông nên yêu cầu đặt ra đối với công ty là phải sử dụng thật hợp lý và hiệu quả các nguồn lực phục vụ cho sản xuất kinh doanh của công ty.

b. Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

i. Kinh doanh khai thác cảng

- Chăm sóc khách hàng, duy trì quan hệ tốt đẹp đối với các khách hàng truyền thống, đồng thời tiếp tục tìm kiếm, xây dựng quan hệ đối tác với các khách hàng mới để mở rộng thị trường và đa dạng hóa nguồn hàng xếp dỡ. Xây dựng Cảng Quy Nhơn trở thành một thương cảng quốc tế, cảng trọng điểm của khu vực Nam Trung bộ, là đầu mối giao thương của của tỉnh Bình Định, Nam Quảng Ngãi, Phú Yên, Gia Lai, Kon Tum, Nam Lào và Đông Bắc Campuchia với các nước trong khu vực và thế giới. Nâng sản lượng thông qua

Cảng đến năm 2020 là 15 triệu tấn thông qua/năm.

- Từng bước đầu tư thiết bị, công cụ xếp dỡ hiện đại để nâng cao năng suất lao động, nâng cấp mở rộng hạ tầng kho, bãi, mua các thiết bị, công cụ hiện đại, phần mềm quản lý khai thác,..vv để đáp ứng tốt hơn nhu cầu xuất khẩu hàng hóa trong khu vực thông qua Cảng Quy Nhơn.

- Hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 để nâng cao chất lượng phục vụ, ngày càng phục vụ tốt hơn yêu cầu hợp lý của khách hàng; đảm bảo uy tín và thương hiệu của Công ty.

i. Kinh doanh khác

- *Kinh doanh khai thác kho - bãi:* Tận dụng tối đa diện tích kho, bãi để kinh doanh; có kế hoạch sắp xếp hợp lý nhằm nâng cao năng lực khai thác kho bãi; nâng cao năng suất xếp dỡ và thái độ phục vụ nhằm thu hút khách hàng sử dụng dịch vụ lưu kho, bãi cảng.

- *Kinh doanh các dịch vụ khác:* Đầu tư từng bước có trọng tâm, trọng điểm nhằm không ngừng đẩy mạnh các loại hình kinh doanh khác như: Đưa đón, hỗ trợ tàu ra vào Cảng, Dịch vụ đại lý vận tải thủy bộ; sửa chữa phương tiện thủy bộ; xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp; đại lý kinh doanh cung ứng xăng dầu - xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phục vụ cho hoạt động SXKD của Cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu; cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển...

c. Dự kiến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 05 năm sau cổ phần hoá

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2013	2014	2015	2016	2017
1	Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản	Triệu đồng	50.000	50.000	150.000	170.000	195.000
	Đầu tư hạ tầng, Cải tạo, sửa chữa, mở rộng các nhà kho chứa hàng hóa, mặt bằng bãi chứa	Triệu đồng	30.000	30.000	100.000	120.000	195.000
	Máy móc thiết bị	Triệu đồng	20.000	20.000	50.000	50.000	145.000
2	Vốn Điều lệ	Triệu đồng	404.099	404.099	404.099	404.099	404.099
3	Tổng số lao động	Người	825	825	825	825	825
4	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	126.963	128.340	134.223	144.022	154.535
5	Thu nhập bình quân người/tháng	đồng	12.824.521	12.963.636	13.557.909	14.547.636	15.609.545
6a	Sản lượng hàng thông qua cảng	Tấn	6.000.000	6.280.000	6.500.000	6.700.000	6.880.000
	Xuất khẩu	Tấn	3.700.000	3.800.000	3.930.000	4.100.000	4.220.000

	<i>Trong đó container</i>	Teu	34.800	36.100	37.400	38.800	39.900
	Nhập khẩu	Tấn	880.000	950.000	980.000	1.000.000	1.020.000
	<i>Trong đó container</i>	Teu	29.500	30.600	31.700	32.000	32.500
	Nội địa	Tấn	1.420.000	1.530.000	1.590.000	1.600.000	1.640.000
	<i>Trong đó container</i>	Teu	13.700	14.300	14.900	15.200	15.600
6b	Doanh thu	Triệu đồng	461.018	511.304	547.066	586.402	628.609
7	Chi phí	Triệu đồng	422.978	458.363	463.180	485.975	512.244
8	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	38.040	52.941	83.886	100.427	116.366
9	Thuế thu nhập DN	Triệu đồng	9.510	11.647	18.455	22.094	25.600
10	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	28.530	41.294	65.431	78.333	90.765
11	Trích lập các quỹ:						
	<i>Quỹ đầu tư phát triển (10%)</i>	<i>Triệu đồng</i>	2.853	4.129	6.543	7.833	9.077
	<i>Quỹ dự trữ bắt buộc (5%)</i>	<i>Triệu đồng</i>	1.427	2.065	3.272	3.917	4.538
	<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi (10%)</i>	<i>Triệu đồng</i>	2.853	4.129	6.543	7.833	9.077
	<i>Quỹ từ thiện xã hội (1%)</i>	<i>Triệu đồng</i>	285	413	654	783	908
	<i>Quỹ hoạt động hội đồng quản trị và ban giám đốc (2%)</i>	<i>Triệu đồng</i>	571	826	1.309	1.567	1.815
12	Lợi nhuận chia cổ tức	Triệu đồng	20.542	29.732	47.110	56.400	65.351
13	Cổ tức hàng năm	%	5,08%	7,36%	11,66%	13,96%	16,17%
14	Lao động bình quân	Người	825	825	825	825	825

Nguồn: Phương án cổ phần hóa

13. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính theo phương án tất cả số lượng cổ phần bán đầu giá được mua với giá 12.000 đồng và giá đấu bình quân là 12.000 đồng.

Đvt: đồng

Khoản mục	Giá trị
Vốn điều lệ Công ty cổ phần (a)	404.099.500.000
Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại (b)	404.099.508.705
Tiền thu từ cổ phần hoá (c)	115.102.656.000
- Từ bán cổ phần ưu đãi giảm 40% cho CBCNV	8.650.800.000
- Từ bán cổ phần bằng giá đấu thành công thấp nhất cho CBCNV	8.920.800.000
- Từ bán cổ phần cho cổ đông chiến lược	48.492.000.000
- Từ bán cổ phần cho công đoàn	540.000.000
- Từ bán đấu giá	48.499.056.000
Giá trị mệnh giá cổ phần bán cho CBNV, công đoàn, cổ đông chiến lược, bán đấu giá (d)	101.024.880.000
Chênh lệch vốn nhà nước và vốn điều lệ (e) = (a) - (b)	(8.705)
Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện (f)	500.000.000
Chi phí giải quyết chính sách lao động dôi dư (g)	6.201.355.125
Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm /Vốn điều lệ (h)	-
Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách = (c) - (e) - (f) - (g) - (h)	108.401.309.580

Nguồn: Phương án cổ phần hóa

VI. DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

1. Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/03/2013
2. Biểu xác định giá trị tài sản tại thời điểm 31/03/2013

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH MTV CẢNG QUY NHƠN
TỔNG GIÁM ĐỐC

Bình Định, ngày..... tháng..... năm 2013
TRƯỞNG BCD CỔ PHẦN HÓA

NGUYỄN HỮU PHÚC

NGUYỄN CẢNH VIỆT

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN BIDV
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH TPHCM**

NGUYỄN QUỐC TÍN

Tòa KTTV
(kính)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI
VIỆT NAM

Số: 2054 /HHVN-TC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2013

CAM KẾT VỀ VIỆC CÔNG BỐ THÔNG TIN

CẢNG QUY NHƠN
CÔNG VĂN ĐẾN

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Số: 207 Ngày 29.7.2013

Thực hiện Quyết định số 336/QĐ-HHVN ngày 22 tháng 07 năm 2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn thành cổ phần hoá, Ban chỉ đạo cổ phần hoá của Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn đã đăng ký thực hiện bán đấu giá tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và xây dựng Bản công bố thông tin theo quy định.

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả triển vọng kinh doanh của Cảng Quy Nhơn.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTV (b/c)
- Các ban: TC, KT, ĐMDN;
- Cảng Quy Nhơn;
- Lưu VT, TC.

TRƯỞNG BAN
CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HOÁ

NGUYỄN CẢNH VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV
CẢNG QUY NHƠN

NGUYỄN HỮU PHÚC